

BẢNG QUY ĐỔI DẶM THÀNH VÉ MÁY BAY THEO HÀNH TRÌNH

Số dặm khấu trừ hiển thị trong bảng dưới đây áp dụng cho hành trình một chiều.

Nhóm đường bay	Mùa lấy thưởng	Hạng Phổ thông	Hạng Phổ thông đặc biệt	Hạng Thương gia
Nội địa Việt Nam 1 (Các chặng bay có khoảng cách dưới 400 dặm)	Mùa thường	7.000	11.000	15.000
	Mùa cao điểm	10.000	15.000	18.000
Nội địa Việt Nam 2 (Các chặng bay có khoảng cách từ 400 dặm trở lên)	Mùa thường	11.000	18.000	25.000
	Mùa cao điểm	15.000	23.000	30.000
Hà Nội – Vientiane/Luang Prabang TP. Hồ Chí Minh – Phnom Penh/Siem Reap Đà Nẵng – Siem Reap	Mùa thường	12.000		23.000
	Mùa cao điểm	16.000		28.000
Hà Nội – Siem Reap/Phnom Penh TP. Hồ Chí Minh – Vientiane	Mùa thường	18.000		35.000
	Mùa cao điểm	24.000		42.000
Việt Nam – Indonesia/Malaysia/Myanmar/ Singapore/Thailand	Mùa thường	13.000		35.000
	Mùa cao điểm	20.000		42.000
Việt Nam – Trung Quốc/HongKong (Trung Quốc)/ Macao (Trung Quốc)	Mùa thường	18.000		45.000
	Mùa cao điểm	24.000		54.000
Việt Nam – Hàn Quốc/Đài Bắc/Cao Hùng	Mùa thường	22.000		60.000
	Mùa cao điểm	32.000		72.000
Việt Nam – Nhật Bản	Mùa thường	35.000	65.000	90.000
	Mùa cao điểm	50.000	85.000	105.000

Việt Nam – Ấn độ	Mùa thường	30.000	45.000	75.000
	Mùa cao điểm	45.000	65.000	100.000
Việt Nam – Úc	Mùa thường	40.000	70.000	100.000
	Mùa cao điểm	55.000	90.000	120.000
Việt Nam – Nga	Mùa thường	40.000	70.000	110.000
	Mùa cao điểm	50.000	100.000	160.000
Việt Nam – Anh/Pháp/Đức	Mùa thường	45.000	85.000	150.000
	Mùa cao điểm	60.000	110.000	180.000
Việt Nam – Mỹ	Mùa thường	50.000	90.000	150.000
	Mùa cao điểm	60.000	110.000	180.000
Đài Bắc – Mỹ/Canada		50.000		